

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/DS - ST

Ngày: 08/9/2017

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Như Y

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh H

2. Ông Cái Hoàng B

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thạch Thị Ngọc B, thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2017/TLST – DS, ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984

Địa chỉ: (không có số nhà) thuộc ấp 2, xã Long Điền Đ, huyện H, tỉnh B

Bị đơn: Bà Hồng Thị V, sinh năm 1962

Địa chỉ: (không có số nhà) thuộc ấp 2, xã Long Điền Đ, huyện H, tỉnh B

(chị N, bà V có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: vào năm 2013 bà V có vay tiền của chị, cụ thể các lần vay như sau:

Vào ngày 30/11/2013 vay số tiền 30.000.000đ; Ngày 15/4/2014 vay số tiền 20.000.000đ; Ngày 05/7/2014 vay số tiền 25.000.000đ; Ngày 27/11/2015 vay số tiền 25.000.000đ. Tổng số tiền bà V vay của chị là 100.000.000đ. Khi vay không có làm giấy tờ gì hay có ai chứng kiến, không thỏa thuận thời hạn trả, hai bên thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000đ tiền vốn thì tiền lãi là 50.000đ/1 tháng. Trong thời gian vay bà V có đóng lãi cho chị được tổng số tiền 36.090.000đ.

Ngoài ra, chị có cho bà V mượn tiền vào các ngày cụ thể sau: 10/6/2014 mượn số tiền 28.000.000đ; ngày 02/5/2015 mượn số tiền 22.000.000đ; ngày 05/02/2016

mượn số tiền 30.000.000đ, tổng cộng là 80.000.000đ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại Tòa hôm nay chị N rút lại yêu cầu bà V giao trả số tiền lãi 50.000.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 20/3/2014 bà V có tham gia chơi hụi do chị làm chủ, loại hụi 1.000.000đ, 1 tháng khui 01 lần, dây hụi có 42 chung, bà V tham gia 02 chung (theo danh sách hụi chị cung cấp là tên thiếu ba Hào, được đánh số thứ 4, từ trên xuống), đã hốt hết 02 chung, chung thứ nhất hốt vào tháng 3/2014 và chung thứ 2 hốt vào tháng 4/2015. Đối với dây hụi này chị không xác định được bà V đã nợ chị số tiền cụ thể là bao nhiêu, dây hụi này còn 02 kỳ nữa nữa.

Đối với dây hụi khui ngày 30/01/2015 loại hụi 1.000.000đ, có tất cả 52 chung, bà V tham gia 04 chung (2 chung ghi tên là Bé và 02 chung ghi tên Hia Sơn) theo chị N xác định Bé là con của bà V, ban đầu chị Bé là người chơi hụi của chị, sau đó để lại cho bà V chơi, còn 02 chung hụi có tên là Hia Sơn, do bà V yêu cầu để tên người khác. Bà V đã hốt 03 chung (1 chung hốt vào tháng 3/2015, chung thứ 2 hốt vào tháng 10/2016, chung thứ 3 hốt vào tháng 4/2017). Sau khi hốt hụi bà V không có đóng lại hụi chết cho chị, dây hụi này bà V còn 01 chung hụi sống, nhưng do bà V không đóng lại hụi chết cho chị nên chị đã trừ vào 03 chung hụi chết. Chị xác định dây hụi này chị không nhớ rõ bà V nợ chị số tiền cụ thể bao nhiêu. Chị xác định tổng hai dây hụi bà V nợ chị tổng số tiền hụi là 41.900.000đ.

Ngoài ra, ngày 22/4/2016 chị có cho bà V mượn 3.98 chỉ vàng 18k.

Nay chị yêu cầu bà V giao trả cho chị tổng số tiền 221.900.000đ và 3.98 chỉ vàng 18k. Chị xác định không có cho bà V vay số tiền 7.000.000đ nên không đồng ý nhận số tiền 7.000.000đ từ bà V. Chị không yêu cầu bà V giao trả tiền lãi chậm trả từ khi vay đến nay.

Theo ý kiến của bà Hồng Thị V trình bày: vào ngày tháng nào bà không nhớ rõ, vào năm 2013 bà có vay của chị N số tiền 30.000.000đ, sau đó khoảng 03 tháng bà có vay thêm số tiền 25.000.000đ, tổng số tiền 55.000.000đ. Khi vay thỏa thuận lãi suất 15%/1 tháng, bà đã đóng lãi cho chị N mỗi tháng là 8.250.000đ, tổng số tiền 198.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bà xác định số tiền lãi đã đóng xong nên bà không yêu cầu xem xét.

Bà V xác định chị N có cho bà mượn số tiền 7.000.000đ. Ngoài ra không còn số tiền nào khác. Bà không có mượn của chị N 3.98 chỉ vàng 18k như chị N trình bày. Tại phiên tòa hôm nay bà đồng ý giao trả cho chị N 7.000.000đ.

Ngoài ra, bà xác định vào ngày 20/3/2014 bà có tham gia chơi hụi do chị N làm chủ, loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, hụi có tất cả 42 chung, bà tham gia 02 chung và đã hốt hết. Sau khi hốt hụi thì bà đóng lại hụi chết cho chị N đầy đủ. Nay bà xác định dây hụi còn lại hai kỳ nữa thì mãn, bà đồng ý tiếp tục đóng 02 kỳ đến khi mãn hụi, bà thừa nhận có nợ chị N số tiền 4.000.000đ và đồng ý giao trả.

Đối với dây hụi khi ngày 30/01/2015 bà có tham gia 04 chung hụi, loại hụi 1.000.000đ, dây hụi có 52 chung, bà tham gia 4 chung, nhưng trong danh sách hụi chị N không ghi tên của bà mà ghi tên của người khác là Bé và Hia Sơn. Bà xác định đối với 04 chung hụi trong dây hụi này là hụi còn sống, bà vẫn chưa hốt chung hụi nào, dây hụi này còn 23 kỳ nữa nữa, bà không nợ số tiền hụi nào của chị N. Bà cũng không xác định được tổng số tiền hụi bà đã đóng cho chị N bao nhiêu và bà cũng không yêu cầu đối trừ vào số tiền đã nợ chị N.

Nay bà đồng ý giao trả cho chị N tổng số tiền là 66.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N đối với bà Hồng Thị V.

Buộc bà Hồng Thị V có trách nhiệm giao trả cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N đối với số tiền 50.000.000đ

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Hồng Thị V phải chịu đối với số tiền phải trả cho chị N 2.950.000đ. Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận số tiền 8.662.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Hợp đồng vay tài sản và nợ hui”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã Long Điền Đ, huyện H, tỉnh B, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu bà Hồng Thị V giao trả tổng số tiền 221.900.000đ (trong đó số tiền vốn vay 100.000.000đ, tiền mượn 80.000.000đ và tiền hui 41.900.000đ) và 3.98 chỉ vàng 18k.

Tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Do vậy, trong vụ án này, chị N là người yêu cầu phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của chị là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, chị N không đưa ra bất kì chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của chị. Khi chị và bà V giao dịch với nhau chỉ thỏa thuận miệng, không có bất cứ văn bản, giấy tờ

nào và cũng không có người chứng kiến. Vì vậy yêu cầu của chị không có cơ sở để chấp nhận mà cần chấp nhận theo sự thừa nhận của bị đơn bà Hồng Thị V. Bà V thừa nhận vào năm 2013 bà có vay của chị N số tiền 55.000.000đ và mượn 7.000.000đ và tiền hụi 4.000.000đ, tổng cộng là 66.000.000đ. Tuy nhiên, chị N xác định không có cho bà V mượn số tiền 7.000.000đ và không yêu cầu bà V giao trả nên chỉ buộc bà V có trách nhiệm giao trả cho chị N số tiền 59.000.000đ là có căn cứ.

Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay bà V trình bày không yêu cầu tính lại phần lãi suất đã đóng cho chị N và chị N cũng không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét

Đối với số tiền hụi 50.000.000 đồng do trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa chị N rút lại không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này nên căn cứ Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của chị N.

Giá vàng tại thời điểm xét xử, vàng 18k = 2.600.000đ/chỉ.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Hồng Thị V phải chịu đối với số tiền phải trả cho chị N cụ thể:  $59.000.000đ \times 5\% = 2.950.000đ$ . Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận số tiền:  $173.248.000đ \times 5\% = 8.662.000đ$ , chị N đã dự nộp số tiền 7.047.500đ theo biên lai thu số 0006547 ngày 03/7/2017 được chuyển thu án phí, chị N còn phải nộp thêm số tiền 1.614.900đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, 474 và 479 Bộ luật dân sự 2005;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N đối với bà Hồng Thị V.

Buộc bà Hồng Thị V có trách nhiệm giao trả cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu bà Hồng Thị V giao trả số tiền 162.900.000đ và 3.98 chỉ vàng 18k.

Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N đối với số tiền 50.000.000đ

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Hồng Thị V phải chịu đối với số tiền phải trả cho chị N 2.950.000đ. Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận số tiền 8.662.000đ, chị N đã dự nộp số tiền 7.047.500đ theo biên lai thu số 0006547 ngày 03/7/2017 được chuyển thu án phí, chị N còn phải nộp thêm số tiền 1.614.900đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Lê Thị Như Y**

Án xử công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ THỊ NHƯ Ý**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Như Ý